

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **01/2024/LĐ-ST**

Ngày: 19 – 7 – 2024.

V/v Tranh chấp tiền lương và tiền trợ cấp thôi việc sau khi chấm dứt Hợp đồng lao động”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mai.

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tuyết, ông Lê Khắc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Quyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 05/2023/TLST- LĐ ngày 19/10/2023, về việc “*Tranh chấp tiền lương và tiền trợ cấp thôi việc sau khi chấm dứt hợp đồng lao động*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-LĐ ngày 10/6/2024; Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 01/2024 ngày 21/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024 ngày 05/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm: 1962. Nơi cư trú: Thôn S, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty 720. Địa chỉ trụ sở: Thôn 4, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Khắc Th. Chức vụ: Giám đốc Công ty 720.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

+ Ông Võ Khắc T. Chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch nông nghiệp Công ty 720, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Phồn V. Chức vụ: Kế toán trưởng Công ty 720 – Có mặt.

+ Ông Trần Văn Đ. Chức vụ: Đội trưởng đội 9 Công ty 720 – Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, theo văn bản ủy quyền ngày 25 tháng 10 năm 2023.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Đàm Thị H, sinh năm 1971.

Nơi cư trú: Thôn M, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* Theo đơn khởi kiện ngày 19/9/2023, tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc L trình bày: Ông Nguyễn Ngọc L được Nông trường 720 (nay là Công ty 720) tuyển dụng vào làm công nhân lao động trồng lúa, được trả lương hàng tháng và được đóng Bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật từ ngày 01/9/1982 cho đến ngày 31/6/2022 là 39 năm 10 tháng theo Quyết định số 4160/QĐ-BHXH ngày 03/8/2023 của Bảo hiểm xã hội huyện K về việc hưởng chế độ hưu trí hàng tháng, đến nay Công ty 720 (viết tắt công ty) vẫn còn nợ tiền lương và tiền trợ cấp thôi việc sau khi chấm dứt hợp đồng lao động của ông L. Do đó, ông Nguyễn Ngọc L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty 720 có trách nhiệm trả cho ông L tiền lương, tiền trợ cấp thôi việc sau khi chấm dứt hợp đồng, tiền lãi suất tính đến ngày khởi kiện là 155.502.802đ và khoản tiền lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán xong, các yêu cầu cụ thể sau:

- Số tiền trợ cấp thôi việc sau khi chấm dứt hợp đồng lao động là 26 năm 4 tháng: $7.802.900đ \times \frac{1}{2} \times 26,4 \text{ tháng} = 102.998.280đ$.

- Tiền lương còn nợ chưa thanh toán từ tháng 01/2022 đến 31/6/2022 là 6 tháng: Mức lương $7.802.900đ \times 6 \text{ tháng} = 46.817.400đ$, khấu trừ 10% tiền đóng bảo hiểm xã hội, số tiền lương còn nợ là $42.136.000đ$.

- Tiền lương trả thiếu mỗi tháng là $832.941đ$ tính từ tháng 01/2020 đến tháng 12/2021 là 24 tháng $\times 832.941đ = 19.990.584đ$.

- Tiền lãi suất phát sinh:

+ Tiền lãi suất chậm trả đối với số tiền thôi việc từ tháng 7/2022 đến 9/2023 là 15 tháng $\times 102.998.280đ \times 1\% = 15.449.742đ$.

+ Tiền lãi suất phát sinh đối với tiền lương chậm trả từ tháng 01/2022 đến tháng 7/2023 là 19 tháng $\times 1\%/tháng \times 42.135.660đ = 8.005.840đ$.

+ Tiền lãi suất phát sinh đối với tiền lương trả thiếu từ tháng 01/2020 đến tháng 9/2023 là 45 tháng $\times 1\%/tháng \times 19.990.584đ = 8.995.762đ$.

Tổng số tiền nợ gốc và lãi suất mà Công ty còn nợ ông L tính đến ngày khởi kiện 19/9/2023 là 197.576.208 đồng, khấu trừ số tiền đã trả 42.000.000 đồng vào ngày 30/6/2023 và số tiền còn lại là 155.502.802đ. Tại phiên tòa ông L yêu cầu Công ty trả cho ông L số tiền còn nợ là 155.502.802đ (một trăm năm mươi lăm triệu, năm trăm lẻ hai nghìn tám trăm linh hai đồng) và khoản tiền lãi suất phát sinh theo mức 1%/tháng từ ngày 20/9/2023 cho đến khi thanh toán xong.

** Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty 720, là ông Trần Văn Đ, ông Võ Khắc T và bà Nguyễn Thị Phồn V cùng trình bày:*

Ông Nguyễn Ngọc L được Nông trường 720 (nay là Công ty 720) tuyển dụng vào làm công nhân lao động trồng lúa, được trả lương hàng tháng và được đóng Bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật từ ngày 01/9/1982 đến ngày 01/01/2016 là 26 năm 4 tháng. Ngày 02/01/2016 ông L được Giám đốc Công ty 720 ký lại hợp đồng lao động số 04/2016-HĐLĐ với chức danh chuyên môn là Đội

trưởng Đội 11 thuộc Công ty 720, loại hợp đồng không xác định thời hạn. Ngày 13/6/2022 ông L có đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động, được giám đốc Công ty đã đồng ý và đồng thời yêu cầu ông L thanh toán các khoản còn nợ công ty trước khi giải quyết chế độ cho ông L theo quy định. Tại biên bản cuộc họp ngày 30/6/2022 giữa ông Nguyễn Ngọc L và công ty thỏa thuận công ty xác nhận còn nợ ông L 102.998.280đ tiền trợ cấp thôi việc và 37.138.017đ tiền lương nên công ty chi trả cho ông L số tiền 71.313.648đ để ông L nộp trả tiền ứng thu mua cà phê còn nợ cho công ty là 42.926.648đ và tiền lãi là 28.387.000đ, số tiền còn lại 68.822.649đ công ty hẹn chi trả làm 2 đợt vào tháng 11/2022 và tháng 02/2023. Ngày 01/12/2022 công ty với ông L và Ban giám sát có lập biên bản để đối chiếu, nghiệm thu đường nội đồng tại Đội 11 ông L quản lý số tiền 213.775.000 đồng, khấu trừ số tiền công ty đã trả trực tiếp cho Ban giám sát là 6.600.000 đồng, còn lại 207.175.000 đồng nên công ty đề nghị ông L lên thanh quyết toán số tiền trên thì ông L không đồng ý.

Sau đó ngày 09/12/2022 ông L có lập 01 biên bản làm việc đề đòi công ty thanh toán thêm 56.564.000 đồng tiền làm đường nội đồng nhưng công ty không đồng ý nên ông L làm đơn khởi kiện công ty ra Toà án nhân dân huyện K và Toà án đã triệu tập các bên để hoà giải, đến ngày 05/7/2023 các bên đã tự nguyện thoả thuận giải quyết **số tiền 68.822.649 đồng** thì Công ty có trách nhiệm thực hiện trả một phần tiền chấm dứt hợp đồng lao động và tiền lương còn nợ cho ông L là 42.000.000 đồng, còn lại 26.822.649 đồng tiền lương công ty giữ lại để ông L thực hiện thủ tục thanh quyết toán đối với công trình nội đồng cho công ty. Đến ngày 10/7/2023 ông L lên Công ty quyết toán nộp số tiền 207.175.000 đồng trong đó: Tiền truy thu thuê đất mà ông L đã thu của người lao động là 88.460.454 đồng phiếu thu số 312 (thực tế ông L đã thu 115.209.567 đồng theo danh sách mà ông L đã lập ngày 28/6/2022, còn lại 26.749.113 đồng ông L xin treo nợ); tiền người lao động tự nguyện đóng góp làm đường nội đồng 62.039.000 đồng phiếu thu số 311; Tiền nợ ông L ứng công ty làm đường nội đồng là 56.675.548 đồng phiếu thu số

310. Về phía công ty cũng đã chi trả thanh toán tiền làm đường nội đồng cho ông L 207.175.000 đồng phiếu chi số 456 ngày 10/7/2023, trả cho ông L tiền trợ cấp thôi việc là 31.684.632 đồng theo phiếu chi số 457 và 10.388.904 đồng tiền lương theo phiếu chi số 458 ngày 10/7/2023. Như vậy tính đến ngày 10/7/2023 công ty còn nợ ông L số tiền lương là 26.749.113 đồng và ông L còn nợ công ty số tiền thuê đất ông L thu của người lao động nhưng chưa nộp về công ty là 26.749.113 đồng theo giấy biên nhận xin treo nợ ngày 5/7/2023 của ông L. Ngày 19/9/2023 ông L khởi kiện yêu cầu công ty trả số tiền 155.502.802đ (một trăm năm mươi lăm triệu, năm trăm lẻ hai nghìn tám trăm linh hai đồng) và khoản lãi suất phát sinh theo mức 1% từ ngày 20/9/2023 cho đến khi thanh toán xong thì phía Công ty không đồng ý và có đơn khởi kiện phản tố với các nội dung sau:

- Đối với số tiền trợ cấp mất việc làm của ông L là 102.998.280đ và Công ty đã chi trả đủ số tiền 102.998.280đ cho ông L (cụ thể: ngày 30/6/2022 chi trả số tiền 71.313.648đ theo phiếu chi số 430 và ngày 10/7/2023 chi trả số tiền 31.684.632đ theo phiếu chi 457). Tuy nhiên ông L cho rằng công ty đã tự ý cản trừ số tiền 71.313.648đ trên vào số tiền ứng để thu mua cà phê của bà Đàm Thị H là không đúng và theo đơn đề nghị tạm ứng, phiếu chi ngày 05/12/2017 thể hiện ông L là người trực tiếp nhận số tiền tạm ứng 74.000.000đ, với mức lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng nên đến ngày 30/6/2022 ông L đã trả cho công ty 42.926.648đ tiền gốc theo phiếu thu số 269 và 28.387.000đ tiền lãi theo phiếu thu số PT270 là hoàn toàn tự nguyện. Việc ông L cho bà Đàm Thị H ứng tiền để thu mua cà phê không liên quan gì đến công ty và hiện nay ông L đã khởi kiện bà Đàm Thị H tại Tòa án nhân dân huyện P đã được giải quyết bằng quyết định có hiệu lực pháp luật. Do đó, việc ông L khởi kiện buộc công ty trả số tiền trợ cấp thôi việc 71.313.648đ và tiền lãi suất phát sinh là 15.449.742 đồng là không có căn cứ nên không chấp nhận. Ngoài ra tiền trợ cấp thôi việc của ông L mà phòng Tổ chức hành chính công ty tính toán nhầm có chênh lệch số tiền là 6.078.600đ nên Công ty yêu cầu ông L phải trả lại số tiền 6.078.600đ cho công ty.

- Đối với yêu cầu tiền lương của ông L theo đơn khởi kiện từ tháng 01/2022 đến 31/6/2022 là 6 tháng, bậc lương 8/8, mức lương 7.802.900đ x 6 tháng = 46.817.400đ, khấu trừ 10% tiền đóng bảo hiểm xã hội, số tiền lương còn nợ là **42.136.000đ là không đúng. Bởi vì** ngày 23/3/2019 ông L có đơn xin xem xét nâng bậc lương từ bậc 7/8 lên bậc 8/8 để công ty đóng Bảo hiểm xã hội (BHXH), để được hưởng chế độ BHXH sau này khi về hưu và ông L đã ký cam kết với công ty vẫn hưởng lương bậc 7/8, mức lương của Đội trưởng là 7.342.400đ/tháng. Như vậy, từ tháng 01 đến tháng 6 năm 2022 lương của ông L tổng cộng là 41.819.757đ (Cụ thể: Lương tháng 1 là 7.342.400đ; tháng 2 là 7.342.400đ; tháng 3 là 5.107.757đ, số tiền còn lại do bảo hiểm chi trả do ông L nghỉ làm do bị covid; tháng 4 là 7.342.400đ; tháng 5 là 7.342.400đ và tháng 6 là 7.342.400đ), sau khi trừ tiền bảo hiểm các loại là 4.681.740đ và còn lại 37.138.017đ và ông L đã ký xác nhận trong biên bản làm việc với công ty ngày 30/6/2022. Đến ngày 10/7/2023 công ty đã chi trả cho ông L số tiền 10.388.904đ theo phiếu chi số 458 và còn nợ lại ông L số tiền 26.749.113đ. Do đó, việc ông L khởi kiện yêu cầu công ty trả 42.136.000đ tiền lương và 8.005.840đ tiền lãi suất thì công ty không chấp nhận.

- Đối với yêu cầu trả tiền lương trả thiếu mỗi tháng là 832.941đ từ tháng 01/2020 đến tháng 12/2021 là **19.990.584đ thì công ty không đồng ý, vì tại** thời điểm ông L làm đơn ngày 23/9/2019 thì bản thân ông L cũng đã biết và hiểu rằng việc nâng bậc lương là mục đích chỉ để đóng BHXH và ông L đã ký cam kết với công ty vẫn hưởng lương bậc 7/8 tương ứng với lương của Đội trưởng là 7.342.400đ và không đòi hỏi hay khiếu kiện gì với công ty. Ông L đã nhận tiền lương do công ty chi trả từ tháng 01/2020 đến tháng 12/2021 nhưng không có ý kiến gì về tranh chấp tiền lương. Đến ngày 19/9/2023 ông L làm đơn khởi kiện yêu cầu công ty trả số tiền trên thì đã hết thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu trên, và công ty đã có đơn đề nghị áp dụng thời hiệu để đình chỉ đối với yêu cầu buộc công ty trả số tiền lương trả thiếu là **19.990.584đ và 8.995.762đ tiền lãi suất.**

Từ những nội dung nêu trên phía công ty có nguyện vọng đồng ý trả cho ông L số tiền lương còn nợ là 26.749.113đ và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật. Đồng thời đề nghị HĐXX chấp nhận đơn đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện để đình chỉ đối với yêu cầu buộc công ty trả số tiền lương trả thiếu là **19.990.584đ và 8.995.762đ tiền lãi suất. Buộc ông L trả lại cho công ty số tiền 26.749.113đ** truy thu thuê đất của người lao động mà ông L thu chưa nộp trả cho Công ty và khoản tiền lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật và rút yêu cầu phản tố đối với số tiền 6.078.600đ, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn phía công ty không chấp nhận.

* Tại bản tự khai và biên bản hòa giải người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đàm Thị H trình bày: Trước kia bà H là công nhân thuộc đội 11 của Công ty cà phê 720, quá trình làm công nhân bà H có ứng tiền của ông Nguyễn Ngọc L là đội trưởng đội 11 về mua cà phê để nhập cho Công ty và bà H trực tiếp viết giấy xác nhận nợ với ông L, với lãi suất là 1%/tháng. Sau khi ứng tiền bà H đã thanh toán còn nợ của ông L 42.926.648đ tiền gốc, đến ngày 25/7/2022 ông L khởi kiện bà H đến Tòa án nhân dân huyện P và Công ty cà phê 720 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Quá trình giải quyết, đến ngày 31/8/2022 Tòa án đã ra quyết định công nhận sự thỏa thuận số 44/2022/QĐST-DS với nội dung: “ ..Về khoản nợ: Bà Đàm Thị H còn nợ của ông Nguyễn Ngọc L số tiền nợ là 62.000.000đ (Sáu mươi hai triệu đồng). Trong đó 42.926.000 đồng tiền nợ gốc và 19.074.000 đồng tiền nợ lãi suất (tính đến ngày 04/7/2022). Về Thời hạn và phương thức thanh toán: Bị đơn bà Đàm Thị H phải trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc L số tiền nợ là 62.000.000đ (Sáu mươi hai triệu đồng), mỗi tháng là 6.000.000 đồng. Thời hạn trả nợ vào ngày 18 hàng tháng tính từ tháng 9 năm 2022 cho đến khi trả hết số nợ trên”. Sau khi có quyết định thỏa thuận bà H đã trả cho ông L tổng cộng số tiền 15.000.000đ, số tiền còn lại 47.000.000đ ông L đã làm đơn yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự P thi hành khoản tiền trên đối với bà H. Do đó, việc ông L ứng tiền của công ty thì không liên quan đến bà H.

Phản tranh luận:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc L vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện và đề nghị HĐXX không chấp nhận đơn đề nghị áp dụng thời hiệu đối với phía bị đơn.

- Đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, không bổ sung gì thêm.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm đ khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 184; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 6,90,95,96, 97 và khoản 3 Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019; Khoản 2 Điều 149 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 14 Nghị định 44/2003/NĐ – CP ngày 09/5/2003 của Chính phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động về Hợp đồng lao động; điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30/12/2016, quy định về án phí lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc L, buộc Công ty 720 trả cho ông L tổng số tiền 31.485.169đ (ba mươi một triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn một trăm sáu mươi chín đồng). Trong đó: Tiền tiền lương còn nợ là 26.749.113đ và 3.708.233đ tiền lãi suất.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc L về việc buộc Công ty 720 trả cho ông L tổng số tiền 86.763.390đ (tám mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn ba trăm chín mươi đồng). Trong đó tiền trợ cấp thôi việc đã nộp cho Công ty là 71.313.648đ và 15.449.742đ tiền lãi.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu buộc Công ty 720 trả cho ông L tổng số tiền 31.485.169đ (ba mươi một triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn một trăm sáu

mười chín đồng). Trong đó tiền lương trả thiếu là 22.489.407đ và 8.995.762đ tiền lãi.

4. **Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty 720**, buộc ông Nguyễn Ngọc L có trách nhiệm trả lại cho Công ty 720 tổng số tiền 28.713.157đ (hai mươi tám triệu bảy trăm mười ba nghìn một trăm năm mươi bảy đồng). Trong đó tiền truy thu thuế của người lao động còn nợ là 26.749.113đ gốc và 1.964.044đ tiền lãi.

5. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc ông Nguyễn Ngọc L trả cho Công ty 720 số tiền trợ cấp mất việc làm đã thanh toán nhầm là 6.078.600đ (sáu triệu không trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm đồng).

6. Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí lao động và án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ đơn khởi kiện, ngày 19/9/2023 của ông Nguyễn Ngọc L, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xác định quan hệ pháp luật: “Tranh chấp về tiền lương” và “Tranh chấp tiền trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động” được quy định tại Điều 32 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại thời điểm khởi kiện bị đơn Công ty 720, có địa chỉ trụ sở tại thôn 4, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm đ khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Xét thấy, đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Võ Khắc T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đàm Thị H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông T và bà H đều có đơn xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX quyết

định xét xử vắng mặt ông T, bà H là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 228 của BLTTDS năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty 720 có đơn khởi kiện phản tố ngày 25/10/2023 và đơn khởi kiện yêu cầu phản tố bổ sung ghi ngày 15/12/2023. Bị đơn đã hoàn tất thủ tục phản tố và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 200 của BLTTDS năm 2015, Tòa án thụ lý, giải quyết chung trong một vụ án là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Xét về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc L về việc buộc Công ty 720 trả cho ông L số tiền trợ cấp thôi việc 71.313.648đ và 15.449.742 đồng tiền lãi, HĐXX nhận định: Ông Nguyễn Ngọc L làm việc tại Nông trường cà phê 720 (nay là Công ty 720) từ ngày 01/9/1982 đến ngày 30/6/2022 là 39 năm 10 tháng. Trong đó, thời gian làm việc tham gia đóng Bảo hiểm xã hội là 26 năm 04 tháng và thời gian ông L tham gia bảo hiểm tai nạn từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/6/2022 là 13 năm 06 tháng. Do đó số tiền ông L được hưởng tiền trợ cấp thôi việc khi chấm dứt hợp đồng lao động là $7.802.900đ/ tháng \times \frac{1}{2} tháng \times 26,4 tháng = 102.998.280$ đồng. Sau khi chấm dứt hợp đồng lao động Công ty đã thanh toán đủ cho ông L tổng số tiền 102.998.280đ (một trăm lẻ hai triệu, chín trăm chín mươi tám nghìn hai trăm tám mươi đồng) trả làm 02 lần, cụ thể ngày 30/6/2022 chi trả số tiền 71.313.648đ theo phiếu chi số PC430 (bút lục số 102) và ngày 10/7/2023 trả số tiền 31.648.632đ theo phiếu chi số PC457 (bút lục số 77). Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã được ông Nguyễn Ngọc L và đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đ, bà V, ông T đều thừa nhận chữ ký dưới mục người nhận tiền là do ông L trực tiếp ký nhận tổng số tiền 102.998.280đ. Căn cứ khoản 2 Điều 92 BLTTDS, Tòa án công nhận đó là sự thật không cần phải chứng minh.

Tuy nhiên ông L cho rằng số tiền 71.313.648đ mà ông L đã trả cho công ty vào ngày 30/6/2022 theo phiếu thu số 269 với số tiền 42.926.648đ nộp tiền ứng cả phê và phiếu thu số PT270 với số tiền lãi 28.387.000đ là do công ty ép ông L trả nhằm mục đích để cản trở tiền trợ cấp thôi việc vào khoản tiền nợ của cá nhân bà Đàm Thị H nên ông L yêu cầu công ty trả lại cho ông L số tiền 71.313.648đ nhưng ông L cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Quá trình giải quyết vụ án bà Đàm Thị H xác định bà H không có ứng tiền của công ty mà bà H trực tiếp ứng tiền và viết giấy xác nhận nợ với ông Nguyễn Ngọc L, với mức lãi suất là 1%/tháng. Sau khi ứng tiền bà H đã thanh toán cho ông L còn nợ lại số tiền gốc là 42.926.648đ, đến ngày 25/7/2022 ông L khởi kiện bà H tại Tòa án huyện P. Tại quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 44/2022/QĐST-DS ngày 31/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện P có nội dung: “ ..Về khoản nợ: Bà Đàm Thị H còn nợ của ông Nguyễn Ngọc L số tiền nợ là 62.000.000đ (Sáu mươi hai triệu đồng). Trong đó 42.926.000 đồng tiền nợ gốc và 19.074.000 đồng tiền nợ lãi suất (tính đến ngày 04/7/2022). Về Thời hạn và phương thức thanh toán: Bị đơn bà Đàm Thị H phải trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc L số tiền nợ là 62.000.000đ (Sáu mươi hai triệu đồng), mỗi tháng là 6.000.000 đồng. Thời hạn trả nợ vào ngày 18 hàng tháng tính từ tháng 9 năm 2022 cho đến khi trả hết số nợ trên”. Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật ông L xác định đến nay bà H đã trả cho ông L tổng số tiền 24.000.000đ, số tiền còn lại 38.000.000đ bà H không trả theo thỏa thuận nên ông L đã làm đơn yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự huyện P thi hành đối với bà H. Tại giấy đề nghị tạm ứng và phiếu chi đều ghi ngày 05/12/2017 và biên bản đối chiếu công nợ ghi ngày 31/12/2021 do bị đơn cung cấp ông L xác nhận chữ ký dưới mục người nhận tiền và mục bên nhận nợ do ông Nguyễn Ngọc L trực tiếp ký với Công ty. Hơn nữa tại biên bản họp ngày 30/6/2022 giữa ông L với công ty đã thỏa thuận Công ty sẽ thanh toán cho ông L tiền trợ cấp thôi việc là 71.313.648đ để ông L thanh toán tiền ứng thu mua cà phê là 42.926.648đ và lãi suất phát sinh là 28.387.000đ. Do đó, HĐXX không chấp nhận

đối với yêu cầu buộc Công ty trả lại cho ông L số tiền 71.313.648đ mà ông L đã trả cho công ty vào ngày 30/6/2022 và 15.449.742 đồng tiền lãi.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc L yêu cầu Tòa án buộc Công ty 720 trả cho ông L số tiền lương còn nợ là 26.749.113đ và lãi suất phát sinh theo mức 1%/tháng từ ngày 01/7/2022 đến nay, HĐXX, nhận định:

Đối với yêu cầu buộc trả số tiền lương còn nợ 26.749.113đ, HĐXX thấy: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận tính đến ngày 30/6/2022 công ty còn nợ của ông L 37.138.017đ tiền lương và ông L đã ký vào biên bản làm việc với công ty vào ngày 30/6/2022, đến ngày 10/7/2023 công ty đã chi trả cho ông L số tiền 10.388.904đ theo phiếu chi số 458, còn nợ 26.749.113đ tiền lương. Tại phiên tòa công ty thừa nhận còn nợ ông L 26.749.113đ tiền lương là hoàn toàn phù hợp với yêu cầu khởi kiện của ông L. Do đó, việc ông L yêu cầu Công ty trả số tiền lương còn nợ 26.749.113đ là có căn cứ cần chấp nhận.

- Về lãi suất phát sinh đối với số tiền 26.749.113đ, HĐXX thấy: Tại biên bản làm việc ngày 30/6/2022 công ty thỏa thuận trả cho ông L số tiền 68.822.649đ, trả làm 2 đợt vào tháng 11/2022 và tháng 02/2023, đến nay công ty còn nợ ông L số tiền 26.749.113đ, không có thỏa thuận lãi suất. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông L đề nghị HĐXX áp dụng mức lãi suất là 1%/tháng từ ngày 01/01/2022 đến nay đối với số tiền 26.749.113đ nợ gốc nhưng bị đơn không đồng ý. Do đó HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất và trong biên bản làm việc ngày 30/6/2022 thể hiện các bên hẹn trả tiền cuối cùng vào tháng 2/2023 nên HĐXX xác định thời gian tính lãi suất đối với số tiền 26.749.113đ từ ngày 01/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 19/7/2024 là 506 ngày x 26.749.113đ x 10% /năm = 3.708.233đ.

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi suất phát sinh, HĐXX buộc Công ty 720 có

trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Ngọc L là 31.485.169đ (ba mươi một triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn một trăm sáu mươi chín đồng). Trong đó: Tiền tiền lương còn nợ là 26.749.113đ và 3.708.233đ tiền lãi suất.

[2.3] Xét đối với yêu cầu buộc Công ty 720 trả cho ông L số tiền lương trả thiếu từ tháng 01/2020 đến tháng 6/2022 là 22.489.407đ và 8.995.762đ tiền lãi. HĐXX, nhận định: Tại phiên tòa ông L thừa nhận vào khoảng tháng 5 năm 2022 khi làm việc tại phòng tổ chức cán bộ của công ty ông L đã biết được việc công ty đóng bảo hiểm xã hội cho ông L bậc lương 8/8, mức lương 7.802.900đ/tháng nhưng trên thực tế công ty trả lương cho ông L bậc 7/8, mức lương 7.342.400đ/tháng nhưng ông L không ý kiến hay tranh chấp gì về việc công ty trả thiếu tiền lương. Như vậy, tại thời điểm ông L nhận lương từ tháng 01/2020 đến tháng 5/2022 ông L đã biết quyền lợi của mình bị ảnh hưởng nhưng đến ngày 19/9/2023 ông L mới khởi kiện công ty để yêu cầu đối với số tiền khoản tiền lương trả thiếu, căn cứ khoản 3 Điều 190 Bộ luật lao động năm 2019; khoản 2 Điều 149 Bộ luật Dân sự, khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng Dân sự, thì thời hiệu yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp tiền lương giữa ông Nguyễn Ngọc L với Công ty 720 đã hết. Xét đơn đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện của phía bị đơn là có căn cứ cần chấp nhận. Do đó, HĐXX đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu buộc Công ty 720 trả cho ông L số tiền lương trả thiếu là 22.489.407đ và 8.995.762đ tiền lãi.

[2.4] Xét yêu cầu khởi kiện phản tố của bị đơn về việc buộc ông Nguyễn Ngọc L có trách nhiệm trả lại cho công ty số tiền 26.749.113đ và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật từ ngày khởi kiện phản tố ngày 25/10/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 19/7/2024. HĐXX nhận định:

Đối với yêu cầu buộc trả số tiền truy thu tiền thuê đất của người lao động đã nộp là 26.749.113đ, HĐXX thấy: Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa ông Nguyễn Ngọc L thừa nhận còn nợ của công ty số tiền 26.749.113đ tiền truy thu tiền thuê đất mà ông L đã thu của người lao động nhưng chưa nộp trả cho công ty, hoàn toàn phù hợp với số tiền mà ông Nguyễn Ngọc L ký trong giấy xác nhận nợ ngày

05/7/2023 với công ty. Do đó yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ nên HĐXX buộc ông Nguyễn Ngọc L trả cho công ty số tiền truy thu tiền thuê đất của người lao động còn nợ 26.749.113đ (hai mươi sáu triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn một trăm mười ba đồng).

Về lãi suất đối với số tiền 26.749.113đ, HĐXX thấy: Trong giấy xác nhận nợ ngày 05/7/2023 do ông L xác lập không thể hiện thời gian trả tiền, không có thỏa thuận lãi suất. Bị đơn yêu cầu áp dụng mức lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày khởi kiện phản tố cho đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất và xác định thời gian tính lãi từ ngày 25/10/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 19/7/2024 là 268 ngày x 26.749.113đ x 10% /năm = 1.964.044đ.

Như vậy tổng số tiền gốc và lãi suất mà HĐXX buộc ông Nguyễn Ngọc L có trách nhiệm trả cho Công ty 720 là 28.713.157đ (hai mươi tám triệu bảy trăm mười ba nghìn một trăm năm mươi bảy đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 26.749.113đ và 1.964.044đ tiền lãi.

[2.5] Xét đối với yêu cầu buộc Nguyễn Ngọc L trả cho Công ty 720 số tiền trợ cấp mất việc làm 6.078.600đ. Tại phiên tòa bị đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện phản tố này, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy bị đơn rút một phần yêu cầu phản tố là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không trái với quy định của pháp luật nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 244 BLTTDS, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố trên.

[3] Về tiền tạm ứng án phí và án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 và điểm a Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc L không phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Buộc ông Nguyễn Ngọc L phải chịu 1.435.657 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (theo mức: 28.713.157đ x5%).

- Buộc Công ty 720 phải chịu 1.471.186đ tiền án phí lao động sơ thẩm. Số tiền này được khấu trừ vào số tiền 3.887.571đ tiền tạm ứng án phí đã nộp. Công ty 720 được nhận lại số tiền 2.416.385đ tạm ứng án phí còn lại theo biên lai thu số AA/2022/0004882 ngày 20/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar.

[4] Xét ý kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận toàn bộ ý kiến quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm đ khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 184, khoản 2 Điều 244, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 6, 90, 95, 96, 97 và khoản 3 Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019; Khoản 2 Điều 149 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 14 Nghị định 44/2003/NĐ – CP ngày 09/5/2003 của Chính phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động về Hợp đồng lao động; điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30/12/2016, quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc L, buộc Công ty 720 trả cho ông L tổng số tiền 31.485.169đ (ba mươi một triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn một trăm sáu mươi chín đồng). Trong đó: Tiền tiền lương còn nợ là 26.749.113đ và 3.708.233đ tiền lãi suất.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc L về việc buộc Công ty 720 trả cho ông L tổng số tiền 86.763.390đ (tám mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn ba trăm chín mươi đồng). Trong đó tiền trợ cấp thôi việc đã nộp cho Công ty là 71.313.648đ và 15.449.742đ tiền lãi.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu buộc Công ty 720 trả cho ông L tổng số tiền 31.485.169đ (ba mươi một triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn một trăm sáu

mười chín đồng). Trong đó tiền lương trả thiếu là 22.489.407đ và 8.995.762đ tiền lãi.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty 720, buộc ông Nguyễn Ngọc L có trách nhiệm trả lại cho Công ty 720 tổng số tiền 28.713.157đ (hai mươi tám triệu bảy trăm mười ba nghìn một trăm năm mươi bảy đồng). Trong đó tiền truy thu thuế của người lao động còn nợ là 26.749.113đ gốc và 1.964.044đ tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/7/2024) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

5. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc ông Nguyễn Ngọc L trả cho Công ty 720 số tiền trợ cấp mất việc làm đã thanh toán nhầm là 6.078.600đ (sáu triệu không trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm đồng).

6. Về án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn Nguyễn Ngọc L không phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Buộc ông Nguyễn Ngọc L phải chịu 1.435.657 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc Công ty 720 phải chịu 1.471.186đ (một triệu bốn trăm bảy mươi một nghìn một trăm tám mươi sáu đồng) tiền án phí lao động sơ thẩm. Số tiền này được khấu trừ vào số tiền 3.887.571đ tiền tạm ứng án phí đã nộp. Công ty 720 được nhận lại số tiền 2.416.385đ tạm ứng án phí còn lại theo biên lai thu số AA/2022/0004882 ngày 20/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện E;
- Chi cục Thi hành án huyện E;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Thị Mai